

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CQT1 **Nl̃m h̃ c :** 2012-2013 **ñ VHT :** 4
(60,0,0,0,0,0)
H̃ ñ T : **H̃ c phñ :** 122167311901 - KJtoñ t̃i ch²nh **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	q IqM THI	QUY TS : 70.00%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572040067	35CQT1	Ng ¹ ViJ Lăm	15/02/1990				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3572040081	35CQT1	Nguy n VLn Hùng	13/03/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	N HP
3	3572040092	35CQT1	Phan Vqnh Trà	30/10/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	5.8	4.1	5.7	N HP
4	3572040095	35CQT1	Phan Th H ng Ng c	10/08/1993				8.0	4.0		6.0	1.8	9.3	6.5	8.3	N HP
5	3572040101	35CQT1	Ngô Ái Trân	12/09/1992				4.0	7.0		5.5	1.7	6.8	4.8	6.4	
6	3572040264	35CQT1	q inh Th KiQ Oanh	15/06/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	6.4	4.5	6.1	
7	3572040277	35CQT1	H Phan q ng	11/12/1993				0.0	3.0		1.5	0.5	0.0	0.0	0.5	N HP
8	3572040506	35CQT1	Nguy n Th Kim Cúc	25/08/1993				6.0	3.0		4.5	1.4	6.5	4.6	5.9	
9	3572040530	35CQT1	Ng ¹ Th H ng Ph C ng	19/04/1993				4.0	4.0		4.0	1.2	6.4	4.5	5.7	N HP
10	3572040937	35CQT1	Lm Th KiQ	09/08/1993				9.0	4.0		6.5	2.0	8.0	5.6	7.6	
11	3572040938	35CQT1	Nguy n Anh Hfu	01/03/1993				6.0	2.0		4.0	1.2	4.1	2.9	4.1	
12	3572040939	35CQT1	Trfh Th Nguy t	01/05/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.6	3.9	5.9	
13	3572040940	35CQT1	Nguy n Th Thfo	06/06/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	N HP
14	3572040941	35CQT1	Nguy n H Qy Sâm	11/09/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	7.8	5.5	7.4	
15	3572040942	35CQT1	Phm Bg Gin	02/06/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
16	3572040945	35CQT1	q Hg Xu Th Chng	24/03/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	N HP
17	3572040946	35CQT1	L Th Thu Thúy	20/03/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
18	3572040948	35CQT1	B Tm Tín	02/06/1993				5.0	3.0		4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	N HP
19	3572040954	35CQT1	Nguy n Th Hà	01/01/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CQT1 **Ñm h̃ c :** 2012-2013 **ṽ VHT :** 4
(60,0,0,0,0,0)
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 122167311901 - KJto§n t̃i ch²nh **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S´	L_ P SV	H_ Vê Tạ N	NGÀY SINH	_ IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	_ IqM THI	QUY TS : 70.00%	_ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572040955	35CQT1	Nguy_ n Th_ H_ h	07/04/1992				8.0	6.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
21	3572040956	35CQT1	Phan Th_ Thanh Dung	02/04/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
22	3572040957	35CQT1	Nguy_ n _ c Tu_ h	25/08/1993				7.0	3.0		5.0	1.5	5.4	3.8	5.3	N_ HP
23	3572040958	35CQT1	Cao Thành Nhân	07/10/1993				9.0	6.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
24	3572040959	35CQT1	B_ Ng_ c Trinh	14/11/1993				4.0	5.0		4.5	1.4	6.3	4.4	5.8	N_ HP
25	3572040960	35CQT1	Ch_ ng B_ u	12/01/1993				4.0	2.0		3.0	0.9	4.3	3.0	3.9	
26	3572040961	35CQT1	B_ Th_ H_ g	10/03/1991				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
27	3572040962	35CQT1	_ ng Ch_ h H_ ng	02/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N_ HP
28	3572040964	35CQT1	Tr_ n Th_ M: Ph_ ng	10/05/1993				4.0	4.0		4.0	1.2	6.8	4.8	6.0	N_ HP
29	3572040965	35CQT1	Ng^ Th_ Kim Huy	01/06/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	5.1	3.6	5.5	
30	3572040971	35CQT1	L^ Th_ H_ ng	12/03/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	
31	3572040976	35CQT1	V» _ nh _ c	18/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N_ HP
32	3572040979	35CQT1	_ H_ g Ti_ h _ _	09/10/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	3.3	2.3	4.0	
33	3572040983	35CQT1	Phan Th_ _ P	14/09/1992				4.0	3.0		3.5	1.1	4.6	3.2	4.3	
34	3572040984	35CQT1	Bùi Minh Trung	31/03/1993				4.0	2.0		3.0	0.9	8.5	6.0	6.9	N_ HP
35	3572040991	35CQT1	Ph_ m V_ n Tâm	15/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N_ HP
36	3572040995	35CQT1	Nguy_ n L^ S_ Thám	27/07/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
37	3572040996	35CQT1	Nguy_ n T_ ng V_	01/05/1993				0.0	3.0		1.5	0.5	3.3	2.3	2.8	
38	3572040997	35CQT1	Ph_ m Th_ B_ ch Th_ y	16/08/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	9.0	6.3	8.3	

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CQT1 **Ñm h̃ c :** 2012-2013 **ṽ VHT :** 4
(60,0,0,0,0,0)
H̃ nT : **H̃ c phFn :** 122167311901 - KJto§n t̃i ch²nh **H̃ c k8 :** HK02

STT	Mã S´	L P SV	H Vê Tậ N	NGÀY SINH	ệ IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30.00%	ệ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ệ IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572040998	35CQT1	Võ Duy Long	29/08/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	N HP
40	3572041000	35CQT1	Vũ ệ c Minh	15/10/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
41	3572041003	35CQT1	Trệh Thệ Trệc Linh	01/01/1993				7.0	3.0		5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
42	3572041004	35CQT1	ệ Hệg Công	20/02/1993				6.0	3.0		4.5	1.4	4.5	3.2	4.5	N HP
43	3572041005	35CQT1	Nguyệ n Phi Hệi	18/10/1993				7.0	3.0		5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
44	3572041097	35CQT1	Hệ Minh Quân	19/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
45	3572041188	35CQT1	Phệm Ngệ c Trệc Ly	31/08/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	9.8	6.9	9.4	
46	3572041189	35CQT1	Nguyệ n ệ 3nh Nghệ	16/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
47	3572041190	35CQT1	Nguyệ n Vện Công	02/02/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
48	3572041241	35CQT1	Mệ Thệ Thúy	05/07/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	8.5	6.0	7.9	
49	3572041289	35CQT1	Nguyệ n Thệi Thệy Dung	26/02/1992				7.0	9.0		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
50	3572041346	35CQT1	Lệ Công Hiệi	08/02/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
51	3572041361	35CQT1	Lệ Thành ệ 1	02/06/1993				6.0	3.0		4.5	1.4	5.3	3.7	5.1	N HP
52	3572041375	35CQT1	Trệh Thệ Thùy	30/04/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	5.1	3.6	5.4	
53	3572041406	35CQT1	ệ Thệ Ngệ c Ngột	13/09/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
54	3572041439	35CQT1	Huệnh Thệ Thu Thi	20/02/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	N HP
55	3572041446	35CQT1	Nguyệ n Vện Nhệi	/ /1993				7.0	3.0		5.0	1.5	4.1	2.9	4.4	
56	3572041526	35CQT1	Lệ Vệ Thiệ n	06/11/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
57	3572041533	35CQT1	Hệ Thệ Kim Thi	18/06/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẢI - MÔN THIÊN PHẢI

Khóa học : Lớp học : 35CQT1 Năm học : 2012-2013 Số VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)

Họ tên : Mã số : 122167311901 - KJtoán tài chính Mã số : HK02

STT	Mã số	Lớp SV	Họ và Tên	NGÀY SINH	Điểm Thiên Phái						TBC	QUY TS: 30.00%	Điểm THI	QUY TS : 70.00%	Điểm TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572041538	35CQT1	Nguyễn Văn	05/05/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
59	3572041549	35CQT1	Nguyễn Thị Lê	14/05/1992				9.0	9.0		9.0	2.7	9.8	6.9	9.6	
60	3572041564	35CQT1	Nguyễn Hữu	05/10/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	9.4	6.6	8.8	
61	3572041578	35CQT1	Trần Tuấn	10/07/1990				0.0	3.0		1.5	0.5	5.1	3.6	4.0	Nº HP
62	3572041587	35CQT1	Huỳnh Ngọc	04/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
63	3572041590	35CQT1	Huỳnh Thị Ngọc	19/03/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	8.8	6.2	8.7	
64	3572041603	35CQT1	Nguyễn Thị Hồng	10/11/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	7.3	5.1	6.8	
65	3572041609	35CQT1	Nguyễn Thị	10/04/1992				4.0	3.0		3.5	1.1	5.3	3.7	4.8	
66	3572041654	35CQT1	Nguyễn Thị Xuân	20/11/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	6.3	4.4	7.0	
67	3572041660	35CQT1	Hà Anh	20/11/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
68	3572041664	35CQT1	Trần Thị	26/05/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	8.3	5.8	7.3	
69	3572041668	35CQT1	Nguyễn Thị	30/11/1993				9.0	7.0		8.0	2.4	10.0	7.0	9.4	
70	3572041669	35CQT1	Nguyễn Đình	05/06/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	6.0	4.2	5.9	Nº HP
71	3572041672	35CQT1	Phan Ngô Khánh	26/11/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
72	3572041674	35CQT1	Nguyễn Thị	11/08/1991				7.0	5.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
73	3572041701	35CQT1	Trần Hùng	24/05/1992				0.0	2.0		1.0	0.3	3.3	2.3	2.6	Nº HP
74	3572041748	35CQT1	Nguyễn Thị Thu	23/12/1992				8.0	8.0		8.0	2.4	7.6	5.3	7.7	
75	3572041752	35CQT1	Hoàng Thanh	04/11/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	7.6	5.3	7.0	
76	3572041753	35CQT1	Trần Thị Phương	11/02/1993				4.0	5.0		4.5	1.4	6.3	4.4	5.8	Nº HP

Kh. a h c : **L. p h c :** 35CQT1 **N l m h c :** 2012-2013 **q VHT :** 4
(60,0,0,0,0,0)
H n T : **H c ph n :** 122167311901 - KJto n t i ch 2 nh **H c k 8 :** HK02

STT	Mã S	L, P SV	H Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30.00%	η IqM THI	QUY TS : 70.00%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572041760	35CQT1	Nguy n Thĩ Hĩ ng Oanh	05/04/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
78	3572041772	35CQT1	Nguy n Ngĩ c Nghi	18/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nĩ HP
79	3572041776	35CQT1	Hĩ Khĩnh Diĩ n	22/08/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nĩ HP
80	3572041790	35CQT1	Nguy n Thĩ M:	20/03/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
81	3572041814	35CQT1	Nguy n Thĩ Lài	01/11/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	8.8	6.2	8.4	
82	3572041833	35CQT1	TRêN THĩ NGUYĩ T	27/07/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
83	3572041834	35CQT1	PHAN THÀN H TRĩ N	02/01/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	9.3	6.5	8.9	
84	3572041835	35CQT1	TRêN THĩ BẢCH NGĩ C	17/05/1993				4.0	4.0		4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	

T'ng s' : 84 h' c sinh sinh vi' n

Tr.HCM, ngày / /

Trẻ ng Khoa

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa